Name: ………………..

Date: …. /…. /20....

Class: S2…

Tel: 034 200 9294

StⒶrLink

Ngữ pháp: …………….

Đọc – Viết: …………….

Mini Test: ………..…....

GLOBAL ENGLISH 2
Unit 9: Let's explore the city! – Vocabulary 1

❖ *Lưu ý: Với các từ vựng mở rộng thầy cô có cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé*

I. New Vocabulary

No	Word	Meaning	No	Word	Meaning
1	traffic (n)	giao thông	10	shark (n)	con cá mập
2	look at (v)	nhìn	11	aquarium (n)	thủy cung
3	octopus (n)	con bạch tuộc	12	warmth (n)	hơi ấm
4	jellyfish (n)	con sứa	13	toss (v)	quăng, vứt
5	penguin (n)	con chim cánh cụt	14	wild (adj)	hoang dã
6	sea turtle (n)	con rùa biển	15	emperor (n)	hoàng đế
7	ancient (adj)	cũ, cổ xưa	16	demand (v)	yêu cầu
8	army (n)	quân đội	17	owner (n)	chủ sở hữu
9	judge (v)	đánh giá	18	jingle (v)	rung, lắc

Lưu ý: n = noun: danh từ, v = verb: động từ, adj = adjective: tính từ
Con học thuộc nghĩa của từ và chép mỗi từ **1 dòng vào vở ghi.*

II. Homework

Exercise 1: Fill in the blank with words in the box.

| shark	sea turtle	penguin
jellyfish	octopus	aquarium

0. The <u>shark</u> is big. It eats small fish.

1. The _____ has eight arms and lives in the ocean.

2. The _____ has a soft body. You can see through *(xuyên qua)* it.

3. The _____ lives in cold places.

4. The _____ lives very long.

5. You can see many kinds of sea creature *(nhiều loại sinh vật biển)* at the _____.

Exercise 2: Unscramble.

0. *ssto*   => *toss*

1. ymra   => a_____
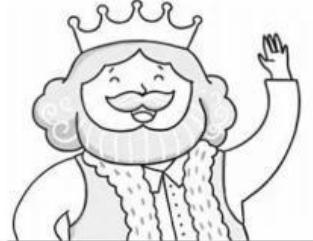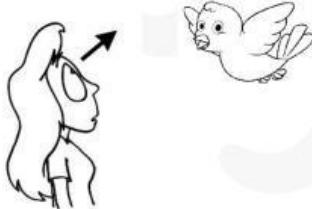
2. ildw   => w_____

3. erown   => o_____

4. ffcirta   => t_____

5. dujeg   => j_____

Exercise 3: Circle the correct answer.

0. owner / (traffic)	1. wild / army	2. ancient / emperor
3. demand / look at	4. toss / traffic	5. octopus / warmth

Part 2
– 6 questions –

Read the text and choose the best answer.

Example

Jack: Was it your brother's birthday yesterday?

Julia: A   Yes, he was.
                         (B) That's right.
                          C   Happy Birthday!

Questions

1   Jack: How old is your brother?

    Julia: A   Brothers are young.
                         B   He's 14 now.
                         C   No, he's older than me.

2 **Jack:**   Did your brother have a birthday party?

  Julia: A   He didn't want one this year.
            B   What a good idea!
            C   He's your friend too.

3 **Jack:**   What present did you give your brother?

  Julia: A   He gave it to me.
            B   Here you are.
            C   A book that he really wanted.

4 **Jack:**   When is your birthday, Julia?

  Julia: A   Do you like balloons?
            B   It's this week.
            C   There are three of them.

5 **Jack:**   What did you do on your last birthday?

  Julia: A   Birthdays are fun.
            B   I always do that on my birthday.
            C   I went to the circus with my family.

6 **Jack:**   What present would you like for your birthday?

  Julia: A   I don't know.
            B   Mine is better than yours.
            C   So do I.

Exercise 1: Negate the sentences using contractions.

0. They **listen** to the radio. ⇨ *They don't listen to the radio.*

1. I **visit** the science museum. ⇨ _____

2. He **teaches** Maths at my school. ⇨ _____

3. We **drink** orange juice. ⇨ _____

4. My mother **will wash** the dishes. ⇨ _____

5. She **did** her homework yesterday. ⇨ _____

Exercise 2: Choose the correct answer.

0. The ⟨termite⟩ / **metal** eats wood.

1. The **branch** / **rope** is a part of a tree.

2. The **swing** / **chimney** is on the roof.

3. The **tower** / **enemy** is not your friend.

4. The **mud** / **curvy** is brown.

5. My father works in a **skyscraper** / **straight**.

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!